



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 11 – Tháng 12 năm 2023 – Capable Counsel

I. Lĩnh vực thuế, phí, lệ phí

1.1. Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

- Nghị định này quy định:
 - + Mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô);
 - + Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ.
- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

1.2. Nghị định 94/2023/NĐ-CP quy định về chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 28 tháng 12 năm 2023

Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- a) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.
- b) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.
- c) Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.
- d) Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình

khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024.

1.3. Quyết định 2780/QĐ-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2023 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

Công bố kèm theo Quyết định này 05 (năm) thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (chi tiết tại Phụ lục, kèm theo).

Sửa đổi Quyết định số 1462/QĐ-BTC ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Thuế, Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.008568	Miễn, giảm thu tiền sử dụng đất	Thuế	Cục Thuế/Chi cục Thuế
2	1.008544	Xác nhận đối tượng cư trú của Việt Nam	Thuế	Cục Thuế

3	1.007277	Khai lệ phí trước bạ nhà, đất/ Miễn lệ phí trước bạ nhà, đất	Thuế	Chi cục Thuế
4	1.007682	Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai)	Thuế	Chi cục Thuế
5	1.007700	Khai lệ phí trước bạ/ Miễn lệ phí trước bạ đối với tài sản khác theo quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ (trừ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển nếu thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam)	Thuế	Chi cục Thuế

1.4. Thông tư 37/2023/TT-BCT quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng muối, trứng gia cầm năm 2024 do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành

Lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng muối, trứng gia cầm năm 2024

STT	Mã số hàng hóa	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	0407.21.00 và 0407.90.10	Trứng gà	Tá	68.670	Trứng thương phẩm không có phôi
	0407.29.10 và 0407.90.20	Trứng vịt, ngan			
	0407.29.90 và 0407.90.90	Loại khác			
2	2501	Muối (kể cả muối ăn và muối đã bị làm biến tính) và natri clorua tinh khiết, có hoặc không ở trong dung dịch nước hoặc có chứa chất	Tấn	88.000	

		chống đóng bánh hoặc chất làm tăng độ chảy; nước biển.			
--	--	---	--	--	--

Đối tượng phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng muối, trứng gia cầm năm 2024:

- Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng muối được phân giao cho thương nhân trực tiếp sử dụng làm nguyên liệu sản xuất thuốc, sản phẩm y tế và làm nguyên liệu sản xuất hóa chất.
- Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng trứng gia cầm được phân giao cho thương nhân có nhu cầu nhập khẩu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024

1.5. Công văn số 85962/CTHN-TTHT ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về chính sách thuế GTGT.

Căn cứ các quy định pháp luật về thuế:

- Trường hợp Công ty cung ứng dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng tiêu dùng tại Việt Nam thì áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.
- Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ thì phải lập hóa đơn để giao cho người mua theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, nội dung của hóa đơn Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

1.6. Công văn số 86141/CTHN-TTHT ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về thuế suất thuế GTGT.

Căn cứ các quy định pháp luật về thuế, trường hợp Công ty có hoạt động dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm cả dạy ngoại ngữ, tin học và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp thì hoạt động này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 13 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC.

1.7. Công văn số 86945/CTHN-TTHT ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Cục Thuế TP Hà Nội về chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài

Căn cứ các quy định về thuế, trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện việc cung cấp hàng hóa cho tổ chức, cá nhân Việt Nam không kèm các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới hình thức giao hàng tại cửa khẩu Cảng hàng không Tân Sơn Nhất, Việt Nam: người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến hàng hóa cho đến điểm giao hàng tại cửa khẩu Tân Sơn Nhất, Việt Nam, người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở hàng từ cửa khẩu Tân Sơn Nhất (kể cả trường hợp trách nhiệm người bán bao gồm điều khoản bảo hành) thì thuộc đối tượng không áp dụng thuế đối với nhà thầu nước ngoài.

1.8. Công văn 13870/BTC-TCHQ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về sử dụng chứng từ thay thế hóa đơn bán hàng của doanh nghiệp chế xuất do Bộ Tài chính ban hành

Thực hiện quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; quy định tại khoản 3 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 58 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ, Bộ Tài chính hướng dẫn nộp chứng từ thay hóa đơn bán hàng đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan bán hàng hóa vào nội địa như sau:

- Trường hợp tại thời điểm làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ hàng hóa cho doanh nghiệp nội địa theo quy định tại khoản 58 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính, người khai hải quan chưa phát hành được hóa đơn bán hàng do chưa hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, thì nộp Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (bản chụp) thay hóa đơn bán hàng thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho cơ quan hải quan.
- Khi làm thủ tục nhập khẩu tại chỗ, người khai hải quan thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 58 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính và nộp hồ sơ hải quan kèm hóa đơn bán hàng trên

hóa đơn ghi rõ “Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan” (bản chụp) thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho cơ quan hải quan.

1.9. Công văn 5782/TCT-CS ngày 19 tháng 12 năm 2023 chi phí lợi thế thương mại khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp do Tổng cục Thuế ban hành

Công ty A (Công ty) mua lại hoạt động kinh doanh và vận hành thiết bị y tế từ Công ty B. Hai công ty này đều chịu sự kiểm soát chung của C cả trước và sau khi hợp nhất kinh doanh và sự kiểm soát này là lâu dài. Ngoài ra, Công ty đã ghi nhận khoản lợi thế thương mại vào khoản mục vốn chủ sở hữu (giảm vốn chủ sở hữu).

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp khoản chi từ việc mua lại hoạt động kinh doanh và vận hành thiết bị y tế của Công ty không phải là chi phí lợi thế kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC, Thông tư số 45/2013/TT-BTC thì khoản chi này không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp của Công ty nếu có phát sinh giao dịch liên kết thì phải thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

1.10. Công văn 5790/TCT-CS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp do Tổng cục Thuế ban hành

Công ty A được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu ngày 28/2/2017 để thực hiện dự án B tại Khu Công nghiệp Quế Võ mở rộng, một phần diện tích đất thực hiện dự án của Công ty thuộc địa bàn thành phố Bắc Ninh. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu trước thời điểm thành phố Bắc Ninh được công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bắc Ninh (Quyết định số 2088/QĐ-TTg ngày 25/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ). Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đã ghi tổng vốn đầu tư và quy mô công suất của 5 loại sản phẩm sản xuất của dự án.

Trường hợp địa điểm thực hiện dự án của Công ty là Khu Công nghiệp Quế Võ mở rộng đáp ứng các quy định của pháp luật về việc thành lập khu công nghiệp thì phần thu nhập phát sinh từ dự án đầu tư sản xuất 5 loại sản phẩm trong phạm vi tổng vốn đầu tư và quy mô công suất của 5 loại sản phẩm đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án đầu tư



mới tại khu công nghiệp cho thời gian ưu đãi còn lại nếu vẫn đáp ứng điều kiện ưu đãi theo quy định.

Phần thu nhập phát sinh từ hoạt động thương mại, dịch vụ, sản xuất các sản phẩm khác được bổ sung vào Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sau ngày thành phố Bắc Ninh được công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bắc Ninh không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp.

II. Lĩnh vực xuất, nhập khẩu

2.1. Nghị định số 84/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 129/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giai đoạn 2022 - 2027

Bổ sung một số điều của Nghị định số 129/2022/NĐ-CP:

1. Bổ sung vào cuối điểm a của khoản 3 Điều 3 như sau:

“từ ngày 04 tháng 3 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 đối với Cộng hoà Liên bang Mi-an-ma;”

2. Bổ sung vào cuối điểm b của khoản 3 Điều 3 như sau:

“từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với Cộng hoà Liên bang Mi-an-ma; từ ngày 02 tháng 6 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với Cộng hoà Phi-líp-pin;”

3. Bổ sung điểm n và điểm o vào sau điểm m của khoản 2 Điều 4 như sau:

“n) Cộng hoà Liên bang Mi-an-ma;

o) Cộng hoà Phi-líp-pin.”

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2023.

2.2. Thông tư 39/2023/TT-BCT quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2024 do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2023

Lượng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu (mã HS 2401) năm 2024 là 71.835 tấn.

Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu được phân giao cho các thương nhân có giấy phép sản xuất thuốc lá điếu do Bộ Công Thương cấp và có nhu cầu sử dụng thuốc lá nguyên liệu nhập khẩu cho sản xuất thuốc lá điếu.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024

2.3. Thông tư 45/2023/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 sửa đổi Thông tư 23/2021/TT-BCT quy định về danh mục chủng loại, tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu do Bộ Công Thương quản lý

Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1

- Sửa tên gọi Phụ lục 1 thành “Danh mục chủng loại và tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu có nguồn gốc trong nước”
- Sửa mã số hàng hóa (HS code) cập nhật theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.
- Bổ sung thêm hàm lượng khoáng sản đi kèm (đồng và coban) vào tiêu chuẩn chất lượng quặng tinh niken.
- Bổ sung thêm nội dung ghi chú đối với một số khoáng sản xuất khẩu đến hết năm 2026 và được Bộ Công Thương xem xét việc xuất khẩu phù hợp với chính sách xuất khẩu khoáng sản trong từng thời kỳ theo quy định của Luật Khoáng sản.

Bổ sung Phụ lục 2: Danh mục chủng loại và tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu có nguồn gốc nhập khẩu.

Bổ sung Phụ lục 3: Báo cáo về kế hoạch thực hiện nhập khẩu, chế biến và xuất khẩu khoáng sản có nguồn gốc nhập khẩu.

Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 2: chuyển Phụ lục 2 sang Phụ lục 4 và sửa đổi, bổ sung nội dung báo cáo định kỳ theo Mẫu số 1 và Mẫu số 2 tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.



Trường hợp phát sinh tranh chấp về mã số hàng hóa thuộc Danh mục chủng loại khoáng sản tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, Bộ Tài chính là cơ quan quyết định về mã số hàng hóa của hàng hóa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Trên cơ sở phân loại hàng hóa của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương xem xét việc sửa đổi, bổ sung mã số hàng hóa thuộc danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

2.4. Công văn 5847/TCT-KK ngày 21 tháng 12 năm 2023 trả lời vướng mắc kê khai chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu bị sót do Tổng cục Thuế ban hành

Trường hợp Công ty A (sau đây gọi là “Công ty”) năm 2019 có chứng từ nộp tiền ở khâu nhập khẩu nhưng không kê khai trên tờ khai thuế GTGT. Sau đó, Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế cho kỳ tính thuế từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2021; cơ quan thuế đã thực hiện kiểm tra trước hoàn và ban hành quyết định hoàn thuế thì Công ty không được khai bổ sung hồ sơ khai thuế. Công ty thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 1 Luật thuế số 31/2013/QH13 và khoản 3 Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

III. Lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng

3.1. Nghị định số 87/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.

- Nghị định này quy định các nội dung, bao gồm:
 - + Phát hiện, thu giữ, xử lý tiền giả, tạm thu giữ tiền nghi giả, tiền nghi hủy hoại trái pháp luật;
 - + Phát hiện, thu giữ, xử lý tiền bị hủy hoại trái pháp luật; giám định tiền giả, tiền nghi giả;
 - + Quản lý sao, chụp hình ảnh tiền Việt Nam;
 - + Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.



- Nghị định này áp dụng:
 - + Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước), Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành liên quan.
 - + Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
 - + Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.
- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 02 năm 2024

3.2. Thông tư 21/2023/TT-NHNN sửa đổi Thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 29 tháng 12 năm 2023

Thay thế Mẫu số 4, Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư 36/2012/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 14/2019/TT-NHNN) bằng Mẫu số 4, Mẫu số 5 tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 03/2014/TT-NHNN (đã được bổ sung bởi khoản 3 điều 2 Thông tư số 14/2019/TT-NHNN) bằng Mẫu số 01 tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; thay thế Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 03/2014/TT-NHNN (đã được bổ sung bởi khoản 3 điều 2 Thông tư số 14/2019/TT-NHNN) bằng Mẫu số 02 tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

Các quy định tại Điều 3 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Thông tư này bãi bỏ khoản 5 Điều 1 và khoản 3 Điều 2 Thông tư 14/2019/TT-NHNN.

IV. Lĩnh vực thương mại

4.1. Thông tư 41/2023/TT-BCT về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương ngày 28 tháng 12 năm 2023

Thông tư này quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là sản phẩm, hàng hóa nhóm 2).

Chi tiết Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2, mã số HS và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2024.

Các Thông tư sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

- Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 29/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 33/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung mã số HS trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

4.2. Thông tư 42/2023/TT-BCT sửa đổi Thông tư 37/2019/TT-BCT hướng dẫn nội dung về biện pháp phòng vệ thương mại do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2023/ Circular No. 42/2023/TT-BCT dated December 28, 2023 on amendments to Circular No. 37/2019/TT-BCT elaborating on trade remedies

Bãi bỏ khoản 5, khoản 6 Điều 10 của Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại/ Clause 5 and Clause 6 Article 10 are abrogated of



Circular No. 37/2019/TT-BCT dated November 29, 2019 of Minister of Industry and Trade of Vietnam

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2024/ This Circular comes into force from February 16, 2024.

Đối với các hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đã được tiếp nhận hoặc đã ban hành quyết định miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2019/TT-BCT. /Applications for exclusion from trade remedies which have been received or in respect of which decisions to grant exclusion from trade remedies have been issued before the effective date of this Circular shall be processed or treated in accordance with the provisions of the Circular No. 37/2019/TT-BCT.

4.3. Thông tư 43/2023/TT-BCT sửa đổi Thông tư 57/2018/TT-BCT quy định các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2023/ Circular No. 43/2023/TT-BCT dated December 28, 2023 on amendments to Circular No. 57/2018/TT-BCT elaborating Decrees on tobacco trading

Ban hành kèm theo Thông tư là Phụ lục 16 - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với nguyên liệu thuốc lá, giấy cuộn điếu thuốc lá. /Appendix 16 - List of unmanufactured tobacco and cigarette rolling paper products and their HS codes is enclosed herewith.

Bãi bỏ Phụ lục IV - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với nguyên liệu thuốc lá, giấy cuộn điếu thuốc lá ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Appendix IV - List of unmanufactured tobacco and cigarette rolling paper products and their HS codes enclosed with the Circular No. 08/2023/TT-BCT dated March 31, 2023 of Minister of Industry and Trade of Vietnam.

Bãi bỏ Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 59, Phụ lục 67, Phụ lục 68 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh



doanh thuốc lá. Appendixes 1, 2, 3, 59, 67 and 68 enclosed with the Circular No. 57/2018/TT-BCT dated December 26, 2018 of Minister of Industry and Trade of Vietnam.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 02 năm 2024. This Circular comes into force from February 12, 2024.

4.4. Thông tư 44/2023/TT-BCT sửa đổi Thông tư 05/2018/TT-BCT quy định về xuất xứ hàng hóa do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2023

Thay thế Phụ lục I (Quy tắc cụ thể mặt hàng) tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2018/TT-BCT bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Thay thế Phụ lục II (Bảng kê khai hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí “WO”, sử dụng nguyên liệu thu mua trong nước, không có hóa đơn giá trị gia tăng) tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 05/2018/TT-BCT bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Thay thế cụm từ “điểm g đến điểm l khoản 1 Điều 7 Thông tư này” bằng cụm từ “điểm g đến điểm l khoản 1 Điều 8 Thông tư này” tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 05/2018/TT-BCT.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

4.5. Thông tư 29/2023/TT-BYT hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023/ Circular No. 29/2023/TT-BYT dated December 30, 2023 on contents and presentation of nutrition facts on food labels

Thông tư này không điều chỉnh đối với nguyên liệu, thực phẩm sau đây:

- 1) Nguyên liệu, thực phẩm không bán trực tiếp cho người tiêu dùng, bao gồm cả đá thực phẩm;
- 2) Thực phẩm có một thành phần nguyên liệu duy nhất;
- 3) Nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai (bao gồm cả loại chỉ bổ sung CO2 và/hoặc hương liệu);
- 4) Muối thực phẩm, muối tinh;



- 5) Giấm ăn và các chất thay thế cho giấm bao gồm cả loại chỉ bổ sung hương liệu;
- 6) Hương liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;
- 7) Men (enzym) thực phẩm;
- 8) Chè, cà phê không chứa thành phần bổ sung khác trừ phẩm màu, hương liệu;
- 9) Thực phẩm bảo vệ sức khỏe;
- 10) Đồ uống có cồn;
- 11) Thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2021/NĐ-CP và thực phẩm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP;
- 12) Thực phẩm do cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ sản xuất quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Trường hợp tổ chức, cá nhân như trên tự nguyện ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm để lưu thông tại Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư phải thực hiện việc ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư này.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, các tổ chức, cá nhân không được sản xuất, in ấn, nhập khẩu và sử dụng nhãn không đúng theo quy định tại Thông tư này.

4.6. Công văn 9088/BCT-TTNN ngày 21 tháng 12 năm 2023 điều hành kinh doanh xăng dầu do Bộ Công Thương ban hành

Bộ Công Thương công bố giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường, như sau:

Mặt hàng	Giá cơ sở kỳ trước liền kề,	Giá cơ sở kỳ công bố	Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề
-----------------	------------------------------------	-----------------------------	--

	ngày 14/12/2023	(đồng/lít,kg)	(đồng/lít,kg)	(%)
	(đồng/lít,kg)	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
1. Xăng E5RON92	20.512	21.199	+687	+3,35
2. Xăng RON95-III	21.405	22.145	+740	+3,46
3. Dầu điêzen 0.05S	19.010	19.524	+514	+2,70
4. Dầu hỏa	19.964	20.494	+530	+2,66
5. Dầu Madút 180CST 3.5S	14.978	15.265	+287	+1,92

V. Lĩnh vực bất động sản

5.1. Quyết định 4263/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nội dung công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các nội dung thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.000732	Cấp, cấp đổi, cấp lại	(1) Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/ 2022	Đất đai	Bộ Tài nguyên và Môi trường



	Chứng chỉ định giá đất	(2) Thông tư số 19/2023/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2023 sửa đổi và bãi bỏ một số thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường		
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh (không sửa đổi, bổ sung)				
C. Thủ tục hành chính cấp huyện (không sửa đổi, bổ sung)				
D. Thủ tục hành chính cấp xã (không sửa đổi, bổ sung)				

VI. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ

6.1. Quyết định 3038/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2023 công bố thủ tục hành chính mới, bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Thủ tục đăng ký sáng chế	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
2	Thủ tục yêu cầu sử dụng kết quả thẩm định đơn đăng ký sáng chế của nước ngoài	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
3	Thủ tục xử lý đơn PCT vào giai đoạn quốc gia	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ



4	Thủ tục đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
5	Thủ tục đăng ký kiểu dáng công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
6	Thủ tục đăng ký nhãn hiệu	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
7	Thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
8	Thủ tục xử lý ý kiến phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
9	Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ

Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.005253	Thủ tục đăng ký sáng chế	Thông tư 23/2023/TT-BKHCN	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
2	1.005256	Thủ tục đăng ký sáng chế theo Hiệp ước PCT có chỉ định Việt Nam	Thông tư 23/2023/TT-BKHCN	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
3	1.005323	Thủ tục đăng ký kiểu dáng công nghiệp	Thông tư 23/2023/TT-BKHCN	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ



4	2.002126	Thủ tục đăng ký nhãn hiệu	Thông tư BKHCN	23/2023/TT	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
5	1.005265	Thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý	Thông tư BKHCN	23/2023/TT	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
6	1.005267	Thủ tục đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	Thông tư BKHCN	23/2023/TT	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
7	1.003966	Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp	Thông tư BKHCN	23/2023/TT	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
8	1.003933	Thủ tục yêu cầu cấp bản sao tài liệu	Thông tư BKHCN	23/2023/TT	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ

VII. Lĩnh vực đầu tư

7.1. Quyết định 29/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên do Thủ tướng Chính phủ ban hành

Hồ sơ đề nghị xác định công nghệ của dự án đầu tư gồm:

- a) Văn bản đề nghị xác định công nghệ theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục của Quyết định này;
- b) Thuyết minh hiện trạng công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục của Quyết định này;
- c) Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (sau đây gọi tắt là chứng thư giám định) còn hiệu lực, thể hiện các nội dung theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Quyết định này.

Hồ sơ đăng ký chỉ định Tổ chức giám định



1. Trường hợp chỉ định lần đầu, hồ sơ gồm:

- a) Đơn đăng ký chỉ định giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục của Quyết định;
- b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định;
- c) Danh sách giám định viên theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Quyết định kèm theo bản sao chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và các tài liệu chứng minh năng lực của giám định viên đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ;
- d) Bản sao hệ thống các tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng, phương pháp và quy trình, thủ tục giám định phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) ISO 17020 tương ứng với phạm vi đăng ký chỉ định;
- đ) Bản sao chứng chỉ công nhận năng lực giám định do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có).

2. Trường hợp bổ sung phạm vi hoạt động giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định, hồ sơ gồm:

- a) Đơn đăng ký chỉ định bổ sung phạm vi hoạt động giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục của Quyết định
- b) Các thành phần hồ sơ quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều này tương ứng đối với phạm vi đăng ký bổ sung.

3. Trước khi quyết định chỉ định hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu được tiếp tục chỉ định, tổ chức giám định phải lập hồ sơ như đối với trường hợp chỉ định lần đầu quy định tại khoản 1.

7.2. Quyết định 33/2023/QĐ-TTg quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2023.



Quyết định này quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 28 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Quyết định này áp dụng đối với:

- Cơ quan yêu cầu giám định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức việc giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.
- Tổ chức giám định được chỉ định, nhà đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ là việc xem xét, đánh giá những thuộc tính về chất lượng và giá trị sử dụng của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư so với những thuộc tính tương ứng của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong hồ sơ đăng ký dự án đầu tư, hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ hoặc hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Cơ quan yêu cầu giám định gửi 01 văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định theo Mẫu số 01 Phụ lục của Quyết định này kèm theo các tài liệu cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm trong dự án đầu tư đến cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đồng thời là cơ quan yêu cầu giám định, thì cơ quan có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định tổ chức việc giám định, bỏ qua bước yêu cầu tổ chức việc giám định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

VIII. Lĩnh vực doanh nghiệp

8.1. Công văn 5818/TCT-KK ngày 20 tháng 12 năm 2023 xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với doanh nghiệp tuyên bố phá sản do Tổng cục Thuế ban hành

Trường hợp Công ty Cổ phần A chấm dứt hiệu lực mã số thuế khi phá sản không thuộc trường hợp không phải kiểm tra quyết toán thuế theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 110 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

8.2. Công văn 5865/TCT-HTQT ngày 22 tháng 12 năm 2023 áp dụng Hiệp định đối với giao dịch chuyển nhượng vốn do Tổng cục Thuế ban hành

Trường hợp Công ty A chuyển nhượng cổ phần tại Công ty B thì thu nhập phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng những cổ phần đó được áp dụng quy định của Hiệp định thuế. Đối với các giao dịch chuyển nhượng cổ phần tại các doanh nghiệp khác nhau, thì giá chuyển nhượng, thu nhập và nghĩa vụ thuế tương ứng phải được xác định đối với từng hoạt động chuyển nhượng cổ phần tại từng doanh nghiệp.

8.3. Công văn 5863/TCT-DNNCN ngày 22 tháng 12 năm 2023 biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí do Tổng cục Thuế ban hành

Các tổ chức sử dụng biên lai thu phí, lệ phí có thể tiếp tục sử dụng biên lai giấy đặt in, tự in, mua của Cơ quan Thuế hoặc biên lai điện tử theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước. Trường hợp cơ quan thuế thông báo chuyển đổi để áp dụng biên lai điện tử theo định dạng của cơ quan thuế thì tổ chức thực hiện chuyển đổi để áp dụng theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn về xử lý chuyển tiếp.

IX. Lĩnh vực bảo hiểm

9.1. Công văn 7400/BHXH-CD ngày 18/12/2023 do BHXH TP. Hồ Chí Minh ban hành về việc hướng dẫn hồ sơ hưởng BHXH một lần đối với lao động người nước ngoài.

Căn cứ Nghị định số 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật BHXH và Luật an toàn, vệ sinh lao động về BHXH bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Thông tư số 18/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật BHXH, Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế và các văn bản hướng dẫn. BHXH Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn hồ sơ hưởng BHXH một lần đối với lao động người nước ngoài như sau:



Hồ sơ hưởng BHXH một lần:

- Sổ BHXH (bản chính) đã được chốt quá trình tham gia BHXH.
- Đơn đề nghị theo mẫu số 14-HSB.
- Ủy quyền theo quy định của pháp luật (nếu có).
- Trường hợp người đang bị mắc 01 trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như: ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS: Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án theo mẫu quy định tại Phụ lục 3, Phụ lục 4 Thông tư số 18/2022/TT BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- Trường hợp mắc các bệnh, tật có mức suy giảm khả năng lao động (KNLĐ) từ 81% trở lên và không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện các hoạt động phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hằng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc hoàn toàn: Biên bản giám định y khoa phải kết luận rõ các nội dung mắc các bệnh, tật có mức suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên và không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được các hoạt động phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hằng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc hoàn toàn.
- Trường hợp thanh toán phí giám định y khoa thì có thêm hóa đơn, chứng từ thu phí giám định; bảng kê các nội dung giám định của cơ sở thực hiện GDYK.

Giải quyết hưởng BHXH một lần:

Thời điểm nộp hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động hoặc thời điểm giấy phép lao động, chứng chỉ hành nghề, giấy phép hành nghề hết hiệu lực (tùy thuộc điều kiện nào đến trước) mà người lao động không tiếp tục làm việc theo hợp đồng lao động hoặc không được gia hạn giấy phép, người lao động có yêu cầu hưởng BHXH một lần nộp hồ sơ theo quy định cho cơ quan BHXH.

Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết và tổ chức chi trả cho người lao động, trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mức hưởng BHXH một lần: Tính theo số năm đã đóng BHXH được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 60 Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014.



Văn bản này thay thế Văn bản số 772/BHXH-CD ngày 25/02/2022 và Văn bản số 5441/BHXH-CD ngày 15/9/2022 của BHXH Thành phố Hồ Chí Minh.